

Bản án số: 22/2020/HNGĐ-PT

Ngày: 15 - 6 - 2020

V/v xin ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền

Các Thẩm phán: Ông Ninh Quang Thế

Ông Dương Hùng Quang

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Dũng Liêm là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 18/2020/TLPT-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2020 về việc “Xin ly hôn”.

Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 56/2020/HNGĐ-ST ngày 06/3/2020 của Tòa án nhân dân huyện T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 17/2020/QĐ-PT ngày 08 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trương Văn T, sinh năm 1960 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp Tân P, xã L, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Bà Phan Thị X, sinh năm 1961 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp Tân P, xã L, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Người kháng cáo: Bà Phan Thị X – Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Trương Văn T trình bày:

Ông và Bà X tự nguyện kết hôn vào năm 1982, ngày 02/7/2007 có lập thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T. Nguyên nhân mâu thuẫn bắt đầu từ năm 2017, vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm và mất niềm tin nhau nên ly thân 02 năm nay. Năm 2018, ông đã gửi đơn xin ly hôn bà Thôi đến Tòa án, tại bản án sơ thẩm số: 255/2018/HNGĐ-ST ngày 04/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện T bác đơn xin ly hôn; và từ thời điểm này đến nay ông và Bà X

không chung sống với nhau. Ông xét thấy hôn nhân không còn hạnh phúc, nếu hàn gắn cũng không mang lại hạnh phúc nên yêu cầu được ly hôn với Bà X.

Về con chung: có 04 người, tên Trương Hồng T, sinh năm 1982; Trương Văn A, sinh năm 1985; Trương Minh M, sinh năm 1988 và Trương Tấn T, sinh năm 1994. Các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung tự thỏa thuận phân chia.

Bị đơn bà Phan Thị X trình bày:

Bà thống nhất lời trình bày của ông T về thời gian kết hôn, có đăng ký kết hôn, về con chung. Bà và ông T ly thân ngày 21/7/2018 cho đến nay là do ông T không về nhà vì ông T có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nên bỏ gia đình đi. Bà không làm gì sai nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung đã trưởng thành, có cuộc sống riêng tự lo cho bản thân nên không yêu cầu Tòa án xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 56/2020/HNGĐ-ST ngày 21/01/2020 của Tòa án nhân dân huyện T quyết định:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông T. Cho ông Trương Văn T được ly hôn với bà Phan Thị X.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 16/3/2020 bà Phan Thị X kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung: Yêu cầu sửa bản án sơ thẩm số: 56/2020/HNGĐ-ST ngày 06/3/2020 của Tòa án nhân dân huyện T, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trương Văn T về việc xin ly hôn với bà.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn, ông T trình bày: Đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm, vì ông bà không thể hàn gắn hôn nhân, đã ly thân nhiều năm qua.

Bị đơn, Bà X trình bày: Giữ nguyên nội dung kháng cáo; hiện tại ông T có người phụ nữ khác nhưng bà không đồng ý ly hôn vì vợ chồng còn thiếu nợ nên ông T phải quay về để cùng trả nợ chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định.

Về nội dung: Không chấp nhận kháng cáo của bà Phan Thị X, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bản án hôn nhân và gia đình số: 56/2020/HNGĐ - ST ngày 06/3/2020 của Tòa án nhân dân huyện T quyết định: Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông T, cho ông Trương Văn T được ly hôn với bà Phan Thị X.

Bà Phan Thị X kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trương Văn T về việc xin ly hôn với bà.

[2] Xét kháng cáo của bà Phan Thị X

Ông T và Bà X chung sống với nhau năm 1982, đến ngày 02/7/2007 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh Cà Mau. Vì vậy, quan hệ hôn nhân của hai đương sự được pháp luật công nhận vợ chồng.

Bà X kháng cáo sửa bản án sơ thẩm vì không đồng ý ly hôn bởi lẽ vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn và bà không có lỗi, chỉ do ông T có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác nên mới xin ly hôn bà; về phía ông T xác định vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, ông mất niềm tin với vợ dẫn đến không có hạnh phúc và ly thân từ năm 2017, vào năm 2018 ông T đã gửi đơn ly hôn và Tòa án sơ thẩm đã bác đơn ly hôn. Hơn 01 năm sau, ông lại tiếp tục gửi đơn xin ly hôn Bà X tại Tòa án. Qua đó cho thấy ông T cương quyết ly hôn, nếu hàn gắn hôn nhân cũng không mang lại hạnh phúc gia đình, mục đích hôn nhân không đạt được, cấp sơ thẩm cho ông T ly hôn Bà X là có căn cứ, đúng quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình. Vì vậy, cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của Bà X.

[3] Từ nhận định trên, không chấp nhận kháng cáo của bà Phan Thị X Giữ nguyên bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 56/2020/HNGĐ-ST ngày 06/3/2020 của Tòa án nhân dân huyện T.

[4] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tại phiên tòa đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm được chấp nhận do phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[5] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Phan Thị X phải chịu án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm, đã dự nộp được chuyển thu.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Phan Thị X. Giữ nguyên bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 56/2020/HNGĐ-ST ngày 06/3/2020 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông T. Cho ông Trương Văn T được ly hôn với bà Phan Thị X.

2. Về án phí:

- Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: ông Trương Văn T phải chịu 300.000 đồng, ngày 03/02/2020 ông T đã dự nộp 300.000 đồng tại biên lai thu số 0003186 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T nay được chuyển thu.

- Án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm: Bà Phan Thị X phải chịu 300.000 đồng, ngày 16/3/2020 Bà X đã dự nộp 300.000 đồng tại biên lai thu số 0003437 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T được chuyển thu.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã L, huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT (TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Thị Hiền